

Bản án số: 115/2020/DS-PT

Ngày: 25-5-2020

V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Hoàng Minh Thịnh

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Trần Xuân Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Dương Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Quang Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 562/2019/TLPT-DS ngày 25/10/2019 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2019/DS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2020/QĐPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Ông Phạm Công N, sinh năm: 1930,

Địa chỉ:, tỉnh An Giang. (Có mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Phạm Cao T, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Luật sư Phan Ngọc M và Luật sư Phan Văn H, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh An Giang (có mặt)

**- Bị đơn:**

1. Ông Thái Hữu Tr, sinh năm: 1972 ( vắng mặt);

2. Bà Thái Thị Thanh T1 (Nga), sinh năm: 1968 ( vắng mặt);

3. Bà Thái Thị Thanh H, sinh năm: 1969 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: tỉnh An Giang.

Ông Tr, bà T1, bà Hà có đơn xin xét xử vắng mặt

- *Người có quyền lợi và Nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trịnh Thị Diễm T2, sinh năm: 1975 (Vắng mặt);

2. Em Thái Thị Thanh T3, sinh năm: 2002 (Vắng mặt);

3. Em Thái Thị Thanh T4, sinh năm: 2007 (Vắng mặt);

Do ông Thái Hữu Tr đại diện theo pháp luật của Thy và Thảo.

4. Ông Cổ Văn K, sinh năm: 1958 (có mặt);

5. Ông Nguyễn Văn S; sinh năm: 1964 (Vắng mặt);

6. Ông Nguyễn Thái S1, sinh năm: 1996 (Vắng mặt);

7. Em Nguyễn Thái G, sinh năm: 2004 (Vắng mặt);

Do bà Thái Thị Thanh T1 đại diện theo pháp luật của em G.

Cùng cư ngụ: tỉnh An Giang.

8. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1953 (Vắng mặt);

9. Bà Phạm Thị P, sinh năm: 1955 (Vắng mặt);

10. Bà Phạm Thị N, sinh năm: 1957 (Vắng mặt);

11. Bà Phạm Thị T (Quấn), sinh năm: 1969 (Vắng mặt);

Cùng cư ngụ : ấp An, tỉnh An Giang.

12. Bà Phạm Ngọc D, sinh năm: 1961, địa chỉ: tỉnh An Giang (Vắng mặt);

13. Ông Phạm Hưng L, sinh năm: 1949, địa chỉ: tỉnh An Giang.

Kế thừa quyền và Nghĩa vụ ông Trần Văn K (Phạm Văn S)

14. Bà Phạm Thị N (Vắng mặt);

15. Phạm Văn B (Trần Qui B) (Vắng mặt);

16. Bà Trần Thị Kim T, sinh năm: 1967 (Vắng mặt);

17. Ông Trần Văn H (Mèo), sinh năm: 1971 (Vắng mặt);

Cùng cư ngụ:, tỉnh Đồng Tháp.

18. Bà Trần Thanh V (Trần Thị V), địa chỉ tại Đài Loan (Vắng mặt);

19. Bà Trần Thị B, sinh năm: 1952, địa chỉ: tỉnh An Giang (Vắng mặt);

20. Bà Trần Thị S1, sinh năm: 1955, địa chỉ:, tỉnh An Giang (Vắng mặt);

21. Bà Trần Thị Th, sinh năm: 1966, địa chỉ: ấp tỉnh An Giang (Vắng mặt);

22. Bà Trần Thị Bé N2, sinh năm: 1965, địa chỉ: tỉnh An Giang (Vắng mặt);

23. Ông Trần Văn D2, sinh năm: 1970, địa chỉ: tỉnh An Giang (Vắng mặt);

24. Ông Trần Thành T1, sinh năm: 1971, địa chỉ: tỉnh An Giang (Vắng mặt);

25. Ủy ban nhân dân huyện An Phú

Bà Phạm Tuyết M – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện An Phú đại diện ủy quyền ( có đơn xin xét xử vắng mặt )

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm Công N.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông Phạm Công N trình bày:*

Nguồn gốc đất là của mẹ ruột (bà Phan Thị Kiệm) để lại, bà Kiệm có 05 người con: Phạm Ngọc Bích (chết); Phạm Văn Si (chết); Phạm Thị Thứ (chết); Phạm Công N; Phạm Thị Nghi (chết). Năm 1979, bà Kiệm chết đã để lại cho ông N phần đất diện tích 1.674m<sup>2</sup>, ngang 27m, dài 62m.

Tháng 3/1986 Nhà nước đào kênh cắt ngang phần diện tích đất này

Năm 1980, bà Nghi (mẹ bà T1, ông Tr) tự ý vào cất nhà ở không hỏi ý kiến ông, trước khi bà Nghi cất nhà ông có trồng trên diện tích đất này khoản 06 bụi tre, gáo, me nước, còng, ông có để cho bà Nghi 01 nền nhà để ở không có khiếu nại.

Năm 1997, bà Nghi tiếp tục cất thêm căn nhà cho bà T1 trên phần đất của ông thì phát sinh tranh chấp. Ông đã làm đơn thưa tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, ngày 10/12/1997 trước mặt ban hòa giải xã Phước Hưng, bà Nghi không chịu di dời nhà của bà T1 trả lại diện tích đất cho ông, khi đó đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình đang chờ giải quyết thì vào năm 2010 ông Tr được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông tiếp tục khiếu nại thì Ủy ban nhân dân huyện An Phú bác đơn yêu cầu của ông do đã ban hành quyết định công nhận đất cho bà Nghi và bà T1 diện tích 382,6m<sup>2</sup>. Ông không đồng ý quyết định nên tiếp tục khiếu nại, năm 2011, Ủy ban nhân dân huyện An Phú ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tr để chờ kết quả giải quyết.

Nay bà Nghi đã chết, ông yêu cầu ông Tr, bà T1, bà Thanh Hà phải di dời 03 căn nhà trả đất cho ông với diện tích 464,4m<sup>2</sup>, vì bà Nghi đã được bà Kiệm cho căn nhà tại thành phố Long Xuyên.

*Bị đơn trình bày:*

*Bà Thái Thị Thanh T1:* Nguồn gốc đất trước đây là của bà ngoại bà (Phan Thị Kiệm) để lại cho mẹ tôi (bà Phạm Thị Nghi). Năm 1976 bà Nghi cất nhà để ở, khi cất nhà thì ông N không ngăn cản, đến năm 1997, khi bà Nghi cất nhà cho bà thì ông N đứng ra ngăn cản, nhưng bà vẫn cất, năm 2010 bà Nghi chết, em bà Thái Thị Thanh H đang ở trong căn nhà bà Nghi để lại.

Bà không đồng ý yêu cầu của ông N là di dời nhà trả lại đất, vì đất này là của mẹ bà để lại .

*Ông Thái Hữu Tr, trình bày:* Ông là con của bà Phạm Thị Nghi chết năm 2010, cha là ông Thái Văn Lý, chết năm 1993. Cha mẹ ông có 04 người con:

Thái Thị Thanh T1, Thái Thị Thanh H, Thái Thanh Tâm, Thái Hữu Tr, ông không đồng ý yêu cầu của ông N, vì đất này là của bà ngoại là Phan Thị Kiệm để lại cho mẹ ông (bà Nghĩ) vào năm 1976. Khi còn ở chung với mẹ ông vào năm 1976, sau chiến tranh phía Tây Nam mẹ ông cất nhà lại vào năm 1986, qua nhiều lần sửa chữa, mẹ ông mất thì Thái Thị Thanh H ở tiếp tục trong căn nhà này, Thái Thị Thanh T1 cất nhà vào năm 1997, trong dòng họ cũng đã xác nhận diện tích ông đang sử dụng là của mẹ ông, diện tích ông đang sử dụng là 464,4m<sup>2</sup>. Về phần đất tranh chấp đã có nhiều cấp giải quyết, năm 2002 thì gia đình ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó cơ quan nhà nước nói là sai lệch diện tích và mượn lại giấy để điều chỉnh. Do tranh chấp cho đến nay nhà nước chưa cấp lại. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công N, yêu cầu nhà nước cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông.

Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, ông có gửi đơn cầu đo đạc lại đối với diện tích đất tranh chấp nhưng nay ông đồng ý với kết quả đo vẽ của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện An Phú, ông không yêu cầu đo đạc lại nữa.

*Bà Thái Thị Thanh H:* Bà thống nhất ý kiến của bà T1 và ông Tr. Không đồng ý di dời nhà trả đất theo yêu cầu của ông N.

*Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan trình bày:*

*Ông Phạm Văn Bình (Trần Qui Bình):* Nguyên trước đây cha ông là Phạm Văn Sy (tên khác là Trần Văn Khoa) còn sống có nói lại gia đình biết là phần đất thổ cư từ lộ 956 ra mé sông giao cho chú ông là Phạm Công N được thừa hưởng để cúng ông bà, cha mẹ. Ông và các anh chị em không được tranh chấp, nay bà Nghĩ và các con bà Nghĩ tranh chấp là không đúng vì bà Nghĩ được hưởng một căn nhà ở Long Xuyên và một mẫu đất ở Phước Hưng, nay đòi hưởng thêm nữa ông không đồng ý .

*Bà Phạm Thị Nương:* Bà là vợ ông Trần Văn Khoa (Phạm Văn Si), ông bà chung sống như vợ chồng từ năm 1967, bà xác định vợ chồng không có cho ông N bất cứ phần đất nào và cũng không có viết bất cứ tờ trình nào và cũng không có ký tên, việc ông N cung cấp tờ trình ngày 07/10/1999 là giả mạo.

*Ông Trần Văn Hải (Mèo):* Ông là con ruột của ông Khoa (Sy). Ông xác định trước khi cha ông mất có nói việc cho một phần đất thổ cư cho ông N nhưng cụ thể không rõ. Về tờ tường trình ngày 07/10/1999 của ông Sy do ông N cung cấp là sự thật có chữ ký của ông Khoa (Sy).

*Bà Phạm Thị Kim Trang:* Bà là con của ông Khoa (Sy). Theo bà được biết cha bà đổi họ tên từ thời chiến tranh loạn lạc, cha mất năm 2015, bà xác định tờ tường trình ngày 07/10/1999 là không đúng sự thật và cũng không phải chữ ký

của cha bà và bà cũng không có nghe cha bà nói gì về nội dung trong tờ trình; Bà cũng xác định khi ông Sy chết có nói lại phần đất đang tranh chấp không liên quan gì đến phần đất ông Sy được hưởng và cũng không có cho ông N bất cứ tài sản nào, ông có ý kiến là để lại cho con bà Nghĩ cất nhà sinh sống.

*Bà Phạm Thị Nguyệt:* Ông N là chú của bà, bà Nghĩ là cô, bà là con ông Bích, bà Kinh. Theo bà được biết phần đất đang tranh chấp là của ông bà nội bà (bà Kiệm, ông Hy) để lại cho con cháu. Đối với phần đất mà ông N đang đứng tên và phần đất mà ông N đang tranh chấp với ông Tr, bà T1, bà Hà bà không có yêu cầu chia, bà cũng không tranh chấp, bà chỉ yêu cầu Tòa án công nhận phần đất đang tranh chấp cho gia đình ông Tr, bà T1, bà Hà với lý do ông N đã được hưởng phần đất của ông bà để lại nhiều hơn hết. Đối với tờ trình ngày 07/12/1999 của bà Kinh do ông N cung cấp là không có thực và cũng không phải là ý kiến của bà, bà không đồng ý tờ trình trên là do mẹ bà viết.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Công N yêu cầu ông Thái Hữu Tr, bà Thái Thị Thanh T1, bà Thái Thị Thanh H phải di dời 03 căn nhà trả diện tích đất 464,4m<sup>2</sup>. Công nhận diện tích đất 464,4m<sup>2</sup> cho ông Thái Hữu Tr, bà Thái Thị Thanh T1, bà Thái Thị Thanh H.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Thái Hữu Tr.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn không kháng cáo, ngày 06/6/2019 nguyên đơn ông Phạm Công N có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn di dời nhà trả lại diện tích đất 464,4m<sup>2</sup> cho nguyên đơn.

*- Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ông Phạm Cao T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm vì vi phạm tố tụng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:*

Căn cứ vào tờ phân cổ thì đã xác định phần đất tranh chấp là đã được chia cho ông N là 1.674m<sup>2</sup>, ông N cho bà Nghĩ ở nhờ trên đất và chỉ cho diện tích đất là 01 nền nhà, sau đó bà Nghĩ cho các con về ở cùng là anh Tr, chị T1, chị Hà quá trình ở chung thì những người này tự ý cất nhà lấn đất của ông N nên ông N

đã khiếu nại ra chính quyền thì anh Tr đã viết tờ cam kết là khi nào con ông N lấy vợ thì anh Tr sẽ dỡ nhà trả đất cho ông N. Ông nghị sử dụng ổn định diện tích đất 1.674m<sup>2</sup> đất từ năm 1965 đến nay và nộp thuế đầy đủ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N, hủy án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định phần đất tranh chấp là của cụ Kiệm để lại. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào tờ phân cổ năm 1965 không có chữ ký của các con cụ Kiệm ký tên để xác định tờ phân cổ này vô hiệu là không có căn cứ vì phần đất mà các con cụ Kiệm sử dụng đã được chia trước đó và sử dụng ổn định không có tranh chấp, phần đất này ông N đã trồng các cây lâu năm trên đất. Có cơ sở để khẳng định ông N chỉ cho bà Nghĩ được sử dụng diện tích đất là 01 nền nhà và những người con của bà Nghĩ gồm anh Tr, chị T1, chị Hà cất nhà lấn đất của ông N khi không được ông N cho phép nên ông đã khiếu nại và anh Tr đã cam kết trả đất khi ông N cần sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chỉ căn cứ vào tờ phân cổ năm 1965 để bác yêu cầu khởi kiện của ông N là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Công N đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định, nên kháng cáo của ông N được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Công N:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự thống nhất với bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện An Phú lập ngày 14/5/2015 là 464,4m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 16, xã Phước Hưng, huyện An Phú, thống nhất biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/5/2016, biên bản định giá tài sản ngày 22/9/2016. Không có đương sự nào yêu cầu đo đạc lại cũng như xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lại tài sản.

[2] Về nguồn gốc đất: Căn cứ vào tờ phân cổ ngày 08/11/1965 thể hiện cụ Phan Thị Kiệm có 05 người con gồm Phạm Ngọc Bích, sinh năm 1924; Phạm Công N, sinh năm 1930; Phạm Văn Si; Phạm Thị Thứ và Phạm Thị Nghĩ; cụ Kiệm đã chia đất thổ cư như sau: Phần đất thổ cư hai người trai mỗi người phân nửa từ đường lộ tới mé sông. Còn riêng cái nhà ở tại Long Xuyên về phần Phạm Thị Nghĩ. Đồng thời theo lời trình bày của ông N, ông Si và bà Nghĩ thì diện tích đất 1.674m<sup>2</sup> (bao gồm cả diện tích 464,4m<sup>2</sup> hiện nay đang tranh chấp) tại xã Phước Hưng, huyện An Phú là ông N quản lý sử dụng từ trước năm 1975 và ông N ở cùng với cụ Kiệm, quá trình sử dụng đất ông N có trồng 07 bụi tre. Bà Nghĩ cho rằng năm 1976 cụ Kiệm chia cho bà phần đất hiện đang tranh chấp là 452,1m<sup>2</sup> nhưng bà không có giấy tờ chứng minh và ông N cũng không thừa nhận là cụ Kiệm chia phần đất này cho bà Nghĩ. Điều này hoàn toàn phù hợp với Lời khai của ông Phạm Văn Si xác định phần đất tranh chấp là phần hưởng của ông N và ông Bích, sau đó ông Bích mới giao lại toàn bộ cho ông N quản lý sử dụng để thờ cúng cha mẹ, phần bà Nghĩ đã được hưởng nhà ở Long Xuyên. Ông N xác định năm 1976 bà Nghĩ ở Long Xuyên về nên cụ Kiệm cho bà Nghĩ cất một nền nhà để ở và hiện nay ông vẫn đồng ý cho một nền nhà của bà Nghĩ, chỉ đến năm 1997, 2002 khi các con của bà Nghĩ là chị T1, anh Tr tiếp tục cất 02 căn nhà thì ông N tranh chấp, quá trình Ủy ban giải quyết tranh chấp thì chính anh Tr có viết giấy cam kết thừa nhận vợ chồng anh sống chung với bà Nghĩ nhưng do bất hòa nên anh đã ngang nhiên dựng nhà trên phần đất của ông N và khi nào ông N cất nhà cho các con thì anh trả lại đất cho ông N. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận toàn bộ diện tích đất nằm ngoài phần nền nhà của bà Nghĩ là của ông N. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận toàn bộ 464,4m<sup>2</sup> cho anh Tr, chị T1, chị Hà là không có căn cứ.

[3] Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập chứng cứ để làm rõ phần đất nền nhà mà cụ Kiệm cũng như ông N cho bà Nghĩ sử dụng là bao nhiêu mét vuông để từ đó đo đạc chính xác phần đất nền nhà bà Nghĩ sử dụng. Vấn đề này không thể làm rõ được tại phiên tòa phúc thẩm, vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của ông N hủy toàn bộ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Khi giải quyết lại vụ án Tòa án cấp sơ thẩm cần thu thập chứng cứ làm rõ ngoài phần đất nền nhà bà Nghĩ được cụ Kiệm, ông N cho ở thì các con của bà Nghĩ là anh Tr, chị T1, chị Hà còn nơi ở nào khác hay không, trong trường hợp không còn nơi ở nào khác thì xem xét công nhận phần đất thực tế những người này hiện đang sử dụng và hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất (theo giá thị trường) cho ông N.

[5] Tờ phân cổ đất được cụ Kiệm lập ngày 08/11/1965 là thời điểm chế độ cũ (Việt Nam công hòa) tại Miền Nam Việt Nam nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng

luật hôn nhân gia đình năm 1959 (chỉ được áp dụng tại Miền Bắc Việt Nam) để cho rằng tờ phân cổ đất này không có hiệu lực là áp dụng sai pháp luật. Cần rút kinh nghiệm.

[6] Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên ông N không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Phạm Công N.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, giữa nguyên đơn: Phạm Công N; bị đơn: Thái Hữu Tr, Thái Thị Thanh T1 (Nga), Thái Thị Thanh H; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Về án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét, giải quyết khi vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Phạm Công N không phải chịu.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.***

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hùng**

**Trần Xuân Minh**

**Hoàng Minh Thịnh**





***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Minh Thịnh**